

---

# LAM SON, A SYMBOLIC SYSTEM EXPRESSED IN LITERATURE WORKS IMBUED WITH THE ART OF WORDS

Nguyen Dinh Nghia<sup>a</sup>

Nguyen Thi Ha<sup>b</sup>

<sup>a</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [nguyendinhnghia@dvttd.edu.vn](mailto:nguyendinhnghia@dvttd.edu.vn)

<sup>b</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [nguyenthiha@dvttd.edu.vn](mailto:nguyenthiha@dvttd.edu.vn)

Received: 10/4/2024

Reviewed: 11/4/2024

Revised: 15/4/2024

Accepted: 24/5/2024

Released: 31/5/2024

*The Lam Son uprising and the generals who participated in the uprising have become eternal symbols of the Vietnamese people. Rivers, streams, mountains and forests, and the Lam Son insurgent army are all imbued with the legend of a righteous national resistance war and are built into symbolic systems in literary works that still need to be decoded by our generations. The paper studied Lam Son through both written and folk literature. With research results of symbolic system in literary works, the author hopes to clarify the cultural, historical and human characteristics of the legendary Lam Son land.*

**Key words:** Lam Son; Symbolic system; Literature; Art of words.

---

## 1. Giới thiệu

Lam Sơn là vùng đất thang mộc của một trong những triều đại quan trọng bậc nhất trong lịch sử Việt Nam với những ảnh hưởng sâu rộng về văn hóa, lịch sử, cùng với đó là tên tuổi, sự nghiệp và đóng góp của các danh tướng, danh thần. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cùng với các nhân vật lịch sử trên vùng đất Lam Sơn đã trở thành đề tài, chủ đề cho sáng tác văn học giai đoạn thế kỷ XV và những thế kỷ tiếp sau đó. Từ hiện thực đi vào tác phẩm nghệ thuật, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và các nhân vật lịch sử tham gia cuộc khởi nghĩa đã trở thành những biểu tượng nghệ thuật, những mật mã để người sáng tác gửi gắm tư tưởng, thái độ, niềm tin về một cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc, khát vọng về một quốc gia hùng cường với những mẫu hình nhân cách: anh hùng sáng nghiệp, hoàng đế, danh tướng, văn thần, con người trung nghĩa, liệt nữ anh hùng...

## 2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

### 2.1. Khái niệm về biểu tượng, hệ biểu tượng

*Khái niệm biểu tượng:* Trong tiếng Hán, “biểu tượng” là một từ ghép. Trong đó, “biểu”

có nghĩa là “bày ra”, “trình bày”, “dấu hiệu” để người ta nhận biết một điều gì đó; còn “*tượng*” có nghĩa là hình tượng. Biểu tượng là một hình tượng nào đó được phô bày ra, trở thành một dấu hiệu, ký hiệu tượng trưng, nhằm diễn đạt một ý nghĩa mang tính trừu tượng.

Theo *Từ điển biểu tượng* của Liungman: “Những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý rằng nó có nhiều hơn một nghĩa là đại diện cho chính bản thân nó” [dẫn theo Đinh Hồng Hải, 5, tr. 12]. Theo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, biểu tượng có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là hình ảnh tượng trưng, nghĩa thứ hai là hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan đã chấm dứt... [8, tr. 66 - 67]. Có thể thấy rằng, những định nghĩa về biểu tượng của các bộ từ điển có sự tương đồng khi xem biểu tượng là *cái đại diện*, biểu hiện cho *cái gì đó*, ngoài nó và khác nó. Đó có thể là một vật, một hình ảnh, một hành vi, một nghi thức, nghi lễ... có tính “ý niệm” được xã hội thừa nhận. Có thể coi biểu tượng gồm hai thành tố: “Cái biểu đạt” và “Cái được biểu đạt”.

*Hệ biểu tượng*: Có rất nhiều quan điểm khác nhau về *hệ biểu tượng*. Trong cuốn *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* của Liungman do Phạm Vĩ Cư dịch, khi xem xét cấu tạo và cách xếp đặt của biểu tượng, J. Lacan cho rằng: “*Hệ biểu tượng chỉ loại hiện tượng mà khoa phân tâm học quan tâm trong chừng mực chúng được cấu trúc như một ngôn ngữ*” [Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), tr. XXII], còn S. Feurd lại nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa cái vỏ vật chất/bên ngoài và nội hàm được biểu đạt/bên trong, ông cho rằng “*Hệ biểu tượng là tập hợp những biểu tượng có ý nghĩa ổn định có thể tìm thấy trong các sản phẩm khác nhau của vô thức*” [Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), tr. XXII]. Theo Jean Chevalier và Alain Gheerbrant thì “*Hệ biểu tượng, một mặt tập hợp các quan hệ và các giải thích gắn với một biểu tượng, chẳng hạn hệ biểu tượng về lửa, mặt khác tập hợp các biểu tượng đặc trưng cho một truyền thống, như hệ biểu tượng Pháp truyền Kinh Thánh hay hệ biểu tượng của người Maya, hệ biểu tượng nghệ thuật Roman...; cuối cùng là nghệ thuật giải thích các biểu tượng, bằng phân tích tâm lí, bằng dân tộc học so sánh, bằng cơ chế và kỹ thuật của sự tích hội*” [Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), tr. XXII]. Có thể hiểu rằng, hệ biểu tượng là tập hợp, hệ thống những biểu tượng có chung nguồn gốc hoặc cơ chế nảy sinh từ hệ hình tư tưởng, văn hóa, tín ngưỡng cộng đồng [11].

## **2.2. Biểu tượng và hệ biểu tượng trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ**

Văn học là một loại hình nghệ thuật ngôn từ. Mỗi tác phẩm văn học là một cách ứng xử của nhà văn trước hiện thực cuộc sống. Nhà văn có thể sử dụng ngôn từ làm chất liệu để sáng tạo hình tượng phản ánh nhận thức đời sống xã hội. Mặt khác, nhà văn vẫn phải sử dụng các phương tiện biểu đạt khác để chuyển tải những giá trị nằm ngoài khả năng tri nhận trực tiếp của con người, trong trường hợp này biểu tượng là một phương tiện hữu dụng nhất. Biểu tượng nghệ thuật dù là *một hình ảnh, một lối sống, một nghi thức, một tín ngưỡng...* hữu hình hoặc vô hình thì ý nghĩa của nó cũng luôn vượt lên tính trực quan, quy ước của ngôn ngữ phổ quát, dùng sự đa dạng của đời sống văn hóa, tư tưởng để diễn đạt ý niệm về nó. “Biểu tượng tồn tại trong tác phẩm văn học như một công cụ kiến tạo văn bản nghệ thuật, song bản thân nó cũng là một văn bản” [44, tr. 41]. Trước khi xuất hiện trong tác phẩm nghệ thuật, nó thuộc về văn hóa. Nó có thể du hành từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác, từ

tác phẩm này sang tác phẩm khác bởi khả năng kết nối liên văn hóa, liên văn bản. Cơ chế tạo nghĩa của biểu tượng nghệ thuật vừa xuất phát từ mẫu gốc, vô thức tập thể, văn hóa folklore... vừa gắn kết với ý thức chủ quan của chủ thể sáng tạo. Để giải mã biểu tượng, chúng ta phải phỏng đoán, liên tưởng, tưởng tượng, phải truy tìm nguồn gốc bởi những trầm tích văn hóa lắng đọng, phủ bóng qua thời gian. Do đó, ý nghĩa của biểu tượng trong tác phẩm không thuộc về quy ước chủ quan của chủ thể sáng tạo mà cứ thế mở rộng bất tận cùng với sự đa dạng, phong phú, sự giàu có về kiến văn tư tưởng, văn hóa của chủ thể tiếp nhận.

Tác phẩm văn học là một thực thể sinh động. Giá trị của tác phẩm thoát khỏi ý đồ sáng tạo nghệ thuật ban đầu của nhà văn, chịu sự chi phối, tác động của cộng đồng tiếp nhận. Giá trị của tác phẩm không ngừng được khơi sâu cùng lịch đại trong mối quan hệ giữa tác giả và bạn đọc cùng với sự cộng hưởng của yếu tố văn hóa, thời đại làm nên độ mở về giá trị cho tác phẩm thông qua hệ thống biểu tượng nghệ thuật như là chất liệu ngôn ngữ đặc biệt. Vì lẽ đó, con đường để giải mã một biểu tượng nghệ thuật không thể là tư duy duy lí, giản ước theo lối rút gọn mà cần chú ý đến ngữ cảnh văn bản, cái khái quát trong mạch ngầm văn bản cũng như những phương thức nghệ thuật mà nhà văn sử dụng để kiến tạo thế giới biểu tượng trong tác phẩm.

Nhìn từ triết học của sự tồn tại, con người có ba mối quan hệ chính, đó là: tự nhiên, cộng đồng nhân loại, lịch sử - văn hóa. Đây cũng chính là ba thành tố làm nên ba hệ biểu tượng cơ bản trong văn học gồm: *hệ biểu tượng tự nhiên*, *hệ biểu tượng con người*, *hệ biểu tượng văn hóa cộng đồng*. Tuy nhiên, từ biểu tượng văn hóa đến biểu tượng văn học là hành trình nhà văn tạo mã mới cho thế giới biểu tượng. Con người tạo ra thế giới nhờ biểu tượng, thông qua biểu tượng nhận thức thế giới. Nghĩa nguyên sơ của biểu tượng có thể do ngẫu nhiên hoặc từ những quy ước mà có, gắn với quá trình tư duy tập thể. Biểu tượng thuộc về văn hóa, nó có thể dịch chuyển từ thời đại này sang thời đại khác hoặc mất đi nếu như giá trị/ý nghĩa của nó không được con người tái tạo, bồi đắp. Vậy nên, khi những biểu tượng ấy trở thành biểu tượng nghệ thuật, đòi hỏi nhà văn cấp mã mới sao cho nó thực hiện được chức năng liên văn hóa, liên văn bản, kết nối với đời sống đương đại. Không phải tất cả biểu tượng văn hóa xuất hiện trong tác phẩm văn học đều trở thành biểu tượng nghệ thuật mà chỉ có những biểu tượng được nhà văn tái lập mã mới, thiết lập được kênh giao tiếp với đời sống đương đại mới trở thành biểu tượng nghệ thuật. Thế giới biểu tượng nghệ thuật ấy đã diễn đạt hiệu quả nhất, chuyển tải hữu dụng nhất những khát vọng, thông điệp của nhà văn về lịch sử và văn hóa dân tộc trước đời sống đương đại.

Mỗi tác phẩm là một cách ứng xử của nhà văn trước lịch sử và văn hóa. Phương tiện để nhà văn thể hiện cách ứng xử ấy không chỉ có ngôn ngữ mà còn có thế giới biểu tượng. Khảo sát nguồn tư liệu văn học về Lam Sơn, không ngạc nhiên khi nguồn tư liệu ấy thể hiện một hệ thống các biểu tượng tự nhiên, con người, văn hóa, tín ngưỡng.

### **2.3. Vùng đất Lam Sơn trong các tác phẩm văn học**

Văn bản cổ nhất hiện tồn nói về vị trí Lam Sơn có thể là bản *Bình Ngô đại cáo* do văn thần Nguyễn Trãi thay Lê Lợi viết ra vào khoảng tháng 12 năm 1427. Tuy nhiên, trong văn bản này, chúng ta mới chỉ biết Lam Sơn là nơi phát tích của Lê Lợi, “*Ta đây phát tích Lam Sơn, nương thân hoang dã*” [9, tr. 78] mà chưa biết rõ thêm về phạm vi của vùng đất này.

Văn bản thứ hai cho biết nhiều hơn về vị trí Lam Sơn là cuốn *Lam Sơn thực lục*. Trong đoạn mở đầu *Lam Sơn thực lục* có chép về vị trí của Lam Sơn như sau: “*Tầng tổ của vua họ Lê, tên húy là Hối, người thôn Như Áng, huyện Lương Giang (nay là huyện Thụy Nguyên), phủ Thanh Hoa... (Lê Hối) làm nghề thầy cúng, một hôm đi chơi, thấy bầy quạ bay lượn ở núi Lam Sơn như dáng đông người hội họp, cho rằng đó là đất tốt, do đó dời nhà đến ở đây*” [9, tr. 44].

Như vậy, vị trí địa lý tự nhiên - nơi phát tích của nhà Hậu Lê chính là vùng núi Lam Sơn<sup>1</sup>. Cũng ở cuốn *Lam Sơn thực lục*, có thể bước đầu hình dung về không gian của vùng Lam Sơn qua câu chuyện Lê Lợi được vị sư già chỉ nơi an táng hài cốt của thân phụ: “*Nhà sư nói: “Xứ Phật Hoàng, động Chiêu Nghi có một mảnh đất độ nửa sào, hình như quả quốc ấn, bên tả có thái thất là núi Chí Linh ở Mường Giao Lão, trong có gò Tiên Ban, lấy Chiêu Sơn ở xã An Khoái làm án, phía trước có nước Long Sơn, bên trong có nước Long Hồ là đáy xoáy ruột ốc (thôn Như Áng), bên hữu nước hồ bao quanh, phía ngoài chân núi xâu hạt...”. Nhà sư nói xong, vua đem (hài cốt) thân phụ táng ở xứ ấy. Đến giờ Dần về đến thôn Giao Xá Hạ, nhà sư biến lên trời. Vì thế lập điện Tiên Du ở đấy. Ở động Chiêu Nghi thì dựng am nhỏ (tức là chỗ có mộ Phật Hoàng). Đó là gốc phát tích vậy*” [9, tr. 46].

Sau khi Lê Lợi lên ngôi, Lam Sơn được lấy tên là Lam Kinh. Tác phẩm văn học đầu tiên nhắc đến địa danh Lam Kinh có lẽ là bài *Phú núi Chí Linh* của Nguyễn Trãi: “*Rồng thiêng bay chừ trên Lam Kinh*”.

Như vậy, xét về phạm vi là quê hương của Lê Lợi và nhà Hậu Lê thì Lam Sơn hay Lam Kinh thuộc đơn vị hành chính của một *động*, một *huong* (huong Lam Sơn), tức là tương đương với đơn vị hành chính của một *xã*. Phạm vi địa bàn Lam Sơn và Lam Kinh ngày nay thuộc xã Xuân Lam, thị trấn Lam Sơn<sup>2</sup>, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Lam Sơn, Lam Kinh - quê hương của Lê Lợi chính là “hạt nhân” của không gian lịch sử - văn hóa Lam Sơn.

*Đất Lam Sơn* của tác giả Vũ Ngọc Khánh, Sơn Anh có lẽ là công trình đầu tiên nghiên cứu về khu vực Lam Sơn ở nhiều phương diện, trong đó có phân tích một số tác phẩm văn học, xác định vị trí một số địa danh của khu vực Lam Sơn trong sự gắn bó với các truyền thuyết.

Hoàng Tiến Tựu trong bài nghiên cứu *Bước đầu tìm hiểu sáng tác dân gian về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn* in trong *Sáng tác dân gian về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn* đã có những nghiên cứu quan trọng về nguồn tư liệu văn học dân gian liên quan đến vùng đất

<sup>1</sup> Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*: “Núi Lam Sơn: lại có tên là Du Sơn, ở cách huyện Thụy Nguyên 52 dặm về phía Tây; mạch núi từ phía Tây - Bắc qua sông Lương kéo đến, núi đá chỗ lên chỗ xuống vượn ra đất bằng, nổi vọt lên một ngọn núi đất, dưới núi là nhà cũ của vua Lê Thái Tổ” [tr. 224 - 225].

<sup>2</sup> Trong bài viết “Thử xác định địa bàn hương Lam Sơn đầu thế kỷ XV”, TS. Phạm Văn Tuấn - Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thanh Hóa, đã căn cứ vào sử liệu và sự phân cấp quản lý hành chính địa phương thời Trần, nhận định rằng: hương Lam Sơn đầu thế kỷ XV là một đơn vị hành chính rộng lớn, có thể thống hạt cả các xã, thôn, phường, sách mà ngày nay tương đương với địa bàn các xã Thọ Minh, Thọ Lập, Xuân Thiên, Xuân Lam, một phần thị trấn Lam Sơn (huyện Thọ Xuân); xã Kiên Thọ, Vân Am, Nguyệt Án, Phúc Thịnh (huyện Ngọc Lặc); xã Ngọc Phụng và thị trấn Thường Xuân (huyện Thường Xuân). Như vậy, hương Lam Sơn là một vùng rộng, “bao” cả một phần thượng du Thanh Hóa, xung quanh sông Chu, sông Âm mà làng Cham - quê hương Lê Lợi, là khu trung tâm.

Lam Sơn như thông kê về số lượng, chất lượng, nội dung của mảng tư liệu này. Trong nghiên cứu này, ông cũng chỉ ra đặc điểm chung của truyền thuyết về Lê Lợi trong hệ thống truyền thuyết Việt là tính chất kết hợp: vừa là văn nghệ, vừa là lịch sử hiện thực gắn chặt với lý tưởng, cái có song song hòa lẫn với cái không - một đặc điểm lớn của sáng tác dân gian về đề tài lịch sử.

Đặc biệt, truyền thuyết về khởi nghĩa Lam Sơn và Lê Lợi là mảng có nhiều công trình nghiên cứu hơn cả. Công trình *Lê Lợi con người và sự nghiệp* của Vũ Ngọc Khánh nghiên cứu tương đối đầy đủ về anh hùng Lê Lợi - không chỉ là anh hùng lịch sử mà còn là một hình tượng, một hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn học dân gian nước ta.

*Lê Lợi, Nguyễn Trãi và đất Lam Sơn* của Vũ Ngọc Khánh (dựa trên cơ sở hai cuốn sách đã xuất bản trước của ông là *Lê Lợi con người và sự nghiệp* và *Đất Lam Sơn*, là một cuốn sách được biên soạn công phu, đề cập đến nhiều khía cạnh về Lê Lợi, Nguyễn Trãi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Năm 1997 đến năm 2018, đã có một số công trình lấy truyền thuyết về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn làm đối tượng trung tâm của nghiên cứu như: *Truyền thuyết và cổ tích Lam Sơn* của Vũ Ngọc Khánh, *Truyền thuyết Lam Sơn* của Nguyễn Sơn Anh, *Bình định vương Lê Lợi và truyền thuyết dân gian trong khởi nghĩa Lam Sơn* của Trần Thị Liên in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Anh hùng dân tộc Lê Lợi và nhân dân Thanh Hóa với khởi nghĩa Lam Sơn*; *Khởi nghĩa Lam Sơn trong tác phẩm văn học nghệ thuật* của Phạm Minh Trị in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Anh hùng dân tộc Lê Lợi và nhân dân Thanh Hóa với khởi nghĩa Lam Sơn...*

Nhìn chung, đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn học Lam Sơn ở những góc độ khác nhau. Những công trình này chủ yếu dựa trên nguồn tài liệu văn học để mô tả hình tượng nhân vật lịch sử tiêu biểu, mô tả cuộc khởi nghĩa dưới ảnh xạ của văn học - tức là chỉ đơn thuần dừng ở việc nghiên cứu một nhân vật văn học, một tác phẩm văn học.

### **3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Để làm rõ vùng đất Lam Sơn là một vùng đất thiêng qua các tác phẩm văn học, tác giả bài viết sử dụng một số phương pháp: (1) Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết, gồm: *phân tích, so sánh, tổng hợp* để nghiên cứu, phân tích tài liệu, kết quả điều tra, từ đó tổng hợp và đưa ra những nhận định có tính khoa học; (2) Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: điền dã thực địa để khảo sát về vùng đất Lam Sơn, nhằm làm rõ thêm hệ thống biểu tượng của vùng đất Lam Sơn từ hiện thực đã đi vào trong tác phẩm văn học và được phản ánh như thế nào qua lăng kính của các tác giả văn học; (3) Phương pháp nghiên cứu liên ngành: sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành nhằm soi chiếu đối tượng dưới góc nhìn văn học, lịch sử, văn hóa để làm rõ giá trị hệ biểu tượng của vùng đất Lam Sơn trong lịch sử, văn hóa dân tộc cũng như ý niệm của người dân Việt Nam.

### **4. Kết quả nghiên cứu**

#### **4.1. Biểu tượng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn**

##### **4.1.1. Biểu tượng của tinh thần đoàn kết dân tộc**

Sau khi cuộc kháng chiến chống Minh do nhà Hồ lãnh đạo thất bại, hàng loạt cuộc nổi dậy của nhân dân ta vẫn tiếp tục diễn ra ở khắp các nơi trên cả nước. Trong các cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh đầu thế kỷ XV, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do anh hùng dân tộc Lê Lợi

lãnh đạo có điểm khởi đầu là một cuộc khởi nghĩa địa phương, diễn ra trong phạm vi địa bàn cùng chung sống và sinh hoạt của các tộc người Việt - Mường - Thái. Cuộc khởi nghĩa đã được đồng bào dân tộc bao đời gắn kết với nhau hết sức ủng hộ. Hội thề Lũng Nhai với 19 người, trong đó phần lớn là những người đứng đầu các sách Mường và cũng là đại diện cho gần như đầy đủ các thành phần, tầng lớp trong xã hội, đã chứng minh đậm nét cho tính chất đoàn kết đó, điều mà những cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra cùng thời chưa làm được. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho giặc Minh không thể dập tắt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đồng thời cũng là một trong những nhân tố quan trọng đưa cuộc khởi nghĩa đi đến thắng lợi cuối cùng.

Đầu năm 1418, lực lượng nghĩa quân đã tập hợp thành một đội ngũ đông đảo gồm 35 quan võ, một số quan văn, 200 thiết đột, 200 nghĩa sĩ, 200 dũng sĩ, 14 con voi và khoảng 2.000 người tham gia khởi nghĩa. Trong khi đó, quân Minh đông đến hơn 45.700 tên, voi ngựa kể hàng trăm. Lực lượng ban đầu của nghĩa quân gồm 51 tướng văn, tướng võ [1, tr. 36]. Cuộc khởi nghĩa đã tập hợp được anh hùng hào kiệt bốn phương, gây dựng được mối liên hệ trong cả nước. Đó thực là cảnh:

*“Đương khi:*

*Lòng người nguội lạnh, thù nước chưa trang.*

*Riêng cuộc Lam Sơn khởi nghĩa.*

*Thế mạnh như lửa phừng phừng.*

*Hào kiệt theo về cuộn cuộn như mây!*

*Hiệu lệnh truyền ra, âm âm như sấm!”*

*(Chí Linh sơn phú - Nguyễn Mộng Tuân) [3, tr. 50]*

Để “trừ loạn lớn”, trước hết, Lê Lợi đã đoàn kết, thu phục nhân tâm, dung nạp những người có danh tiếng, dòng họ có thế lực ở vùng Lương Giang - Lôi Dương. Ngoài khu vực phụ cận, các vùng khác ở Thanh Hóa cũng có người tìm về đất Lam Sơn, tập hợp xung quanh Lê Lợi. Sau khi tập hợp được anh tài “*manh lệ bốn phương*”, Lê Lợi đã dành nhiều công sức để xây dựng Khả Lam thành một căn cứ địa, chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa quy mô toàn quốc.

Khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa biểu trưng cho sự đoàn kết sâu sắc: đó là sự đoàn kết giữa chủ tướng Lê Lợi với các tướng lĩnh, quân đội. Đó còn là sự đoàn kết của các dân tộc, các tầng lớp nhân dân trong cuộc kháng chiến cứu nước. Tinh thần đoàn kết ấy hiện lên thật đẹp qua các tác phẩm văn chương:

*“Dựng can làm cò, dân lưu tán họp về đủ mặt.*

*Dem rượu hòa nước, binh cha con thề quyết một lòng”.*

*(Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi) [3, tr. 25]*

Hay:

*“Tướng sĩ một lòng,*

*Dưới trên một dạ.*

*Tiến tới đâu, quân thù đều bị gục ngã,*

*Nghe tin đồn, các nước triều cống linh đình”*

*(Xuông Giang phú - Lý Tử Tấn) [3, tr. 61]*

#### 4.1.2. Biểu tượng của tính chính nghĩa theo học thuyết Nho giáo

Khác với những cuộc khởi nghĩa trước đó, khởi nghĩa Lam Sơn đã quy tụ được đông đảo các tầng lớp tham gia. Từ danh sách được ghi trong bản *Văn thê Lũng Nhai* (1416), có thể thấy trong bộ tham mưu, số lượng người gốc Mường - Thái tại vùng Lam Sơn chiếm phần lớn, đa số họ đều biết rất ít về chữ nghĩa và văn hóa Nho giáo. Bên cạnh đó, mặc dù có số lượng khiêm tốn trong bộ tham mưu, nhưng không ai có thể phủ nhận vai trò của những trí thức Nho học đối với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Họ đã mang đến cho vùng đất này những tri thức, văn hóa Nho giáo ngay từ những ngày đầu gia nhập cuộc khởi nghĩa.

Trước hết, chữ Hán đã được sử dụng để ghi chép các việc quan trọng của bộ tham mưu, đặc biệt là trong mặt trận ngoại giao với quan quân nhà Minh. Tiếp đến là những yếu tố tích cực của Nho giáo đã được vận dụng trong việc xây dựng tính “chính nghĩa” và tạo ra sức “hội tụ” rất khác biệt của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn so với các cuộc khởi nghĩa khác đang cùng diễn ra trên khắp cả nước, như bài *Lam Sơn giai khí phú* của Nguyễn Mộng Tuân đã ghi lại:

*“So với Bạch Thủy Kim Lăng,  
Cùng một khí thiêng chung đúc.  
Cho nên ngọn cờ khởi nghĩa vừa mới huy động,  
Thì khắp trăm họ nô nức reo mừng”.*

(*Lam Sơn giai khí phú* - Nguyễn Mộng Tuân) [3, tr. 84]

Những trí thức nho sĩ tham gia cuộc khởi nghĩa đã vận dụng tư tưởng cốt lõi của Nho giáo: tư tưởng Nhân - Nghĩa, kết hợp với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc để tạo nên sức mạnh xuyên suốt cuộc kháng chiến. Tư tưởng nhân nghĩa ấy vừa là cơ sở để bảo vệ sự chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, vừa là vũ khí công kích mạnh mẽ tính “phi nghĩa”, “trái đạo lý” trong cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh. Trong thư trả lời Phương Chính năm 1426, nhà nho - nhà “quân sư” Nguyễn Trãi đã thẳng thắn khẳng định: *“Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy nhân nghĩa có đủ thì công việc mới thành được”* [7, tr. 46]. Nhân nghĩa theo Nho giáo mặc dù là một chủ nghĩa nhân đạo chủ trương yêu thương con người, nhưng phải là con người nằm trong quan hệ luân thường. Nguyễn Trãi đã phát triển, mở rộng nội dung nhân nghĩa ấy thành đường lối sức mạnh của một dân tộc luôn phải thường trực chống chọi với những cuộc xâm lăng của nước láng giềng lăm lăm tham vọng phương Bắc:

*“Kết cục, mới đem đại nghĩa để thắng hung tàn.  
Mới lấy chí nhân mà thay cường bạo”.*

(*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi) [3, tr. 24]

Với nhà Nho, tính “chính nghĩa” là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh “tập hợp nhân tâm” to lớn, làm nên chiến thắng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:

*“Không gặp Thánh Tổ, ai biết là nơi thiên hiểm vĩ đại?  
Không nhân chiến thắng, ai hay là chỗ địa lợi trí danh?”*

(*Xương Giang phú* - Lý Tử Tấn) [3, tr. 65]

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trải qua 10 năm đầy hy sinh, gian khổ đã kết thúc thắng lợi huy hoàng. Trong thắng lợi này phải kể đến công lao lớn của bộ chỉ huy Lam Sơn mà phần lớn là tướng lĩnh người Mường - Thái, trong đó nổi bật là vị chủ tướng Lê Lợi.

## 4.2. Hệ biểu tượng về các nhân vật lịch sử

### 4.2.1. Biểu tượng về người anh hùng sáng nghiệp

Lê Lợi với tư cách là một nhân vật lịch sử - vị chủ tướng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, vị hoàng đế khai sáng triều đại nhà Lê, đã được nhiều bộ chính sử, các nguồn thư tịch dành dung lượng lớn để ghi chép tiểu sử, hành trạng.

Trong tác phẩm văn học, Lê Lợi là người có chí lớn, quyết tâm chống giặc, cứu nước: “*Vua tuy gặp buổi rối loạn mà chí càng thêm bền, ẩn nấu ở núi rừng, làm nghề cày cấy, lấy kinh sử làm vui, lại càng chuyên tâm vào sách lược thao. (Vua) hậu đãi tân khách, vờ người trốn tránh, dùng người làm phản (quân Minh); ngầm nuôi kẻ sĩ mưu trí, bỏ của phát thóc giúp người cô bản; nhún lời hậu lễ để thu hào kiệt*” [9, tr. 47].

Sau khi tập hợp được anh hùng tứ xứ, Lê Lợi đã dành nhiều công sức để xây dựng Khả Lam thành một căn cứ địa chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa quy mô toàn quốc. Đó là những năm tháng:

*“Đau lòng buốt óc, kẻ đã ngoai một chục năm.  
Ném mật năm gai, đâu phải chỉ một hai buổi.  
Có khi phần chí quên ăn, mãi đọc lục thao Tam lược.  
Rút lấy xưa nay kinh nghiệm, để tìm ra lẽ hưng vong.  
Tấm lòng khôi phục quốc gia,  
Thức ngủ không hề sao nhãng”*

(*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi) [3, tr. 24]

Trong bài *Chí Linh sơn phú* của Nguyễn Trãi, hình tượng người anh hùng sáng nghiệp hiện lên thật cao đẹp với tinh thần chịu đựng hy sinh gian khổ, ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc:

*“Chí nuốt giặc Ngô ư? Ai Chùng, ai Lãi?  
Muốn xây nghiệp Hán ư? Ai Bình, ai Lương?  
Vua ta còn ẩn dấu ở núi này, chỉ nương nấu mà tiềm tàng.  
Vợ con lưu ly,  
Sĩ tốt tang hoang.  
Năm gai chẳng quản,  
Ném mật là thường.  
Lo rửa thẹn xưa nghìn thuở.  
Để phục đất cũ bốn phương”* [7, tr. 90 - 91]

### 4.2.2. Biểu tượng về nhân cách hoàng đế theo học thuyết Nho giáo

Qua đánh giá của các nhà Nho, Lê Lợi chính là vị vua hội tụ đủ, hay đúng hơn là được xây dựng đầy đủ những tiêu chí của một ông vua theo quan điểm Nho giáo. Nho giáo là học thuyết đề cao danh nghĩa, và sự chính danh. Vậy nên, qua miêu tả của nhà nho, sứ mệnh của Lê Lợi, trước hết là sứ mệnh của “con trời”, thừa mệnh trời mà cai quản nhân gian cho đúng đạo - “*Đại thiên hành hóa*” (thay trời hành đạo). Mặc dù tư tưởng thiên mệnh này đã tồn tại ở các triều đại Lý - Trần, nhưng những vị vua trước đó, dù cũng có công lãnh đạo xâm lược, song họ không được trao thiên mệnh (thay trời) như Lê Lợi mà chỉ là thuận theo ý trời (thuận thiên - phụng thiên). Việc trao cho Lê Lợi sứ mệnh “*Đại thiên hành hóa*” ấy, thực chất là một



biểu hiện của nỗ lực xây dựng hình tượng nhân cách quân vương theo tiêu chí Nho gia của tầng lớp nho sĩ đương thời. Theo các tiêu chí của Nho giáo, người muốn giữ được thiên mệnh thì phải có trí, đức. Và với phẩm chất này, Lê Lợi đã được tập trung ngợi ca ở hầu hết các tác phẩm viết về đề tài Lam Sơn. Đức hiếu sinh của vua được thể hiện rộng khắp, ngay cả với quân xâm lược, khi chúng biết cúi đầu:

*“Chúng như cọp đói vẫy đuôi, khi bị bắt sống,  
Ta mở lòng nhân thượng đế, không nở sát sinh”.*

(*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi) [3, tr. 27]

Hay như theo lời ca ngợi của Nguyễn Mộng Tuân:

*“Vì không hiếu sát, nên giặc quy thuận kể biết bao thành!  
Vì đức hiếu sinh, mà giặc được tha đến hàng mười vạn”*

(*Lam Sơn giai khí phú* - Nguyễn Mộng Tuân) [2, tr. 84]

Đức hiếu sinh của Lê Lợi còn được các nhà Nho tự hào so sánh với Hán Cao Tổ và Nhị đế Tam Hoàng:

*“Vậy thì đức thịnh của vua ta, Hán Cao Tổ làm sao sánh kịp?  
Sẽ cùng hai đế, ba vương mà lừng danh”*

(*Phú núi Chí Linh* - Nguyễn Trãi) [7, tr. 198]

Đối với người làm vua, Nho giáo luôn đề cao, nhấn mạnh phẩm chất “trí đức”, người được trao mệnh *thiên tử* phải công bố được “đại nghĩa, đại công, đại đức”. Trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, theo như Trần Ngọc Vương nhận định: “*Chắc chắn rằng chỉ những triều đại được lập nên thông qua con đường dẹp loạn thành công, “quy giang sơn về một mối”, hoặc ra đời sau một cuộc chiến chống ngoại xâm, hoàn thành sứ mạng giải phóng dân tộc thì mới đắc nhân tâm, mới có điều kiện tồn tại lâu dài*” [10, tr. 126]. Nhận định đó rất phù hợp với triều đại Hậu Lê, với võ công và tính chính nghĩa đã đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Công lao và tính chính danh của triều đại này, đúng như các nhà Nho đã ca ngợi về vị vua sáng lập:

*“Vĩ đại thay, vua ta chuộng nghĩa,  
Dốc một lòng rửa nhục trừ hung!  
Giờ cần tre nổi dậy, Khiến hào kiệt theo cùng”*

(*Phú Cờ nghĩa* - Nguyễn Mộng Tuân) [7, tr. 226]

Hay: *“Lam Sơn đất hiểm tự trời,  
Vua ta dựng nghiệp khắp nơi về châu.  
Núi cao hình sắc muôn màu,  
Đức cao lòng rộng chính châu đượm thuần...”*

(*Phú Lam Sơn* - Nguyễn Mộng Tuân) [7, tr. 226]

#### 4.2.3. Biểu tượng về người trí thức Nho sĩ - văn thân

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ giai đoạn đầu đã thu hút được tầng lớp trí thức mới, trí thức Nho sĩ yêu nước với khí phách của thời đại anh hùng. Tầng lớp trí thức này tuy có nguồn gốc khác nhau, nhưng hầu hết đều xuất thân khoa cử, qua nhiều thế hệ khác nhau, từ cuối Trần đến đầu đời Hồ, và từ trước cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thành công, đến đầu đời Lê. Những trí thức Nho học xuất sắc và thức thời hầu hết đã tham gia kháng chiến. Có thể kể đến

những tiến sĩ xuất thân từ khoa Thánh Nguyên đời Hồ Quý Ly như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thành... Lớp trí thức này dẫn đầu là Nguyễn Trãi được Lê Lợi và bộ tham mưu khởi nghĩa Lam Sơn đánh giá cao, được coi là lực lượng nòng cốt đóng góp vai trò quan trọng trên mặt trận ngoại giao và địch vận.

Nguyễn Trãi là một trong 3 người không phải quê Thanh Hóa tham dự hội thề ở Lũng Nhai năm 1416 (Nguyễn Trãi, Bùi Quốc Hưng và Lưu Nhân Chú). Trong văn học dân gian, Nguyễn Trãi hiện lên với hình ảnh người trí thức đang trăn trở đi tìm chân chúa để hiến kế sách bình Ngô. Trong dân gian đã hằn sâu hình ảnh *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* qua câu chuyện viết chữ lên lá cây rồi bôi mỡ vào, cho kiến đục theo nét chữ, sau đó thả theo dòng nước để an định nhân tâm. Trong thực tế lịch sử, Nguyễn Trãi là một trong số ít trí thức nho học tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu. Bên cạnh các võ tướng Lam Sơn với công trạng được phong dựa vào số lượng chém tướng đoạt cờ thì ngòi bút của Nguyễn Trãi tuy không phải là vũ khí nhưng lại có sức mạnh có thể làm lui hàng vạn hùng binh. Văn chương do Nguyễn Trãi soạn giúp vị chủ tướng Lê Lợi là văn chương phục vụ chính trị, phục vụ chiến đấu. Nó cũng tác động như một thứ vũ khí, và có khi đưa lại hiệu quả to lớn hơn. Trong văn học phục vụ chính trị và chiến đấu thời khởi nghĩa Lam Sơn, không phải vì có văn hội thề và văn địch vận, nhưng rõ ràng hai loại văn này, nhất là văn địch vận, có một giá trị to lớn trong việc hỗ trợ đắc lực cho mặt trận vũ trang, giải phóng một loạt thành trì không mất một viên đạn, một mũi tên, trong đó có các thành quan trọng như Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Quan... Trong công tác dự thảo các thư từ địch vận này, Nguyễn Trãi, người Thừa chỉ thân cận và người mưu sĩ ưu tú của Lê Lợi, đã đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Với tư cách một văn thần, cánh tay đắc lực về mặt lý luận chiến tranh cho Lê Lợi trong khởi nghĩa Lam Sơn, ông được giao soạn thảo những văn bản quan trọng, có giá trị quân sự, triết học, tư tưởng lớn như: *Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Lam Sơn thực lục, Phú núi Chí Linh, Văn bia Vĩnh Lăng*... Tương tự như các công thần khác, sau thắng lợi, Nguyễn Trãi được triều Lê phong tặng và ban thưởng. Tuy nhiên, rất tiếc, những mâu thuẫn trong triều chính thời kỳ hậu chiến đã khiến một người tài đức như ông vướng vào oan sai trong vụ án “Lê Chi Viên” bi thảm. Đến thời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông đã minh oan cho ông.

#### 4.2.4. Biểu tượng về các võ tướng - trung thần

Buổi đầu dựng cờ khởi nghĩa, Lê Lợi chủ yếu dựa vào lực lượng thân thích như các cháu nội Lê Thạch, Lê Khôi, Lê Khang, Lê Khiêm, các cháu ngoại như Đinh Lễ, Đinh Liệt hay người cùng châu, cùng miền như Lê Lại, Lê Ngân, Lê Lý, Lê Sao, Trĩ Khả... Dần dần, Lê Lợi đã đoàn kết được nhiều tổ chức khởi nghĩa ở nhiều địa phương, nhiều võ tướng như cha con Lưu Nhân Chú ở Thái Nguyên, Trần Nguyên Hãn ở Sơn Động, Nguyễn Xí ở Châu Phúc (Nghệ Tĩnh), Phạm Văn Xảo và Trần Trãi ở vùng Đông Quan...

Trong các võ tướng xuất sắc của Lê Lợi, Lê Lai là nhân vật được văn học khắc họa rõ nét hơn cả. Lê Lai là người Mường, ở sách Dụng Tú (này là làng Tép, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc). Lê Lai tham gia khởi nghĩa Lam Sơn trong tư thế Phụ đạo sách Dụng Tú, liền kề với sách Lam Sơn (do Lê Lợi làm Phụ đạo). Lê Lai là một trong những người sớm đến trại

Như Áng Lam Sơn của Lê Lợi để tụ nghĩa; một trong 19 người có mặt trong Hội thề Lũng Nhai. Trong danh sách những người tham gia hội thề lịch sử này, ông là người xếp thứ hai, sau Lê Lợi. Ngay từ buổi đầu, Lê Lợi đã rất tin cậy Lê Lai, giao cho ông chức Tổng quản phủ đô, tước quan nội hầu. Anh Lê Lai là Lê Lãn, các con ông là Lê Lư, Lê Lộ, Lê Lâm đều tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và có nhiều đóng góp cho thắng lợi cuối cùng. Với hành động cải trang giả Lê Lợi để cứu chúa, Lê Lai đã trở thành biểu tượng của người trung thần trong lịch sử chống ngoại xâm.

Lịch sử nhắc đến Lê Lai là nhắc đến tấm gương anh dũng, liều mình cứu Lê Lợi năm 1419. Đây là lần Lê Lợi lui quân về núi Chí Linh trong tình cảnh khôn khó trăm bề. Quân số ngày càng ít đi, lại thiếu thốn lương thực, bệnh tật bắt đầu hoành hành, chí khí có phần nao núng. Trong khi đó ở Lam Sơn, mồ mả của cha ông bị đào xới, vợ con, gia đình bị giặc bắt hoặc phiêu tán... Đứng trước tình thế nguy cấp này, sự tồn vong của nghĩa quân Lam Sơn như “ngàn cân treo sợi tóc”, Lê Lợi và các tướng lĩnh đã cùng nhau bàn bạc, đưa ra một kế sách để giải nguy, bảo toàn lực lượng. “*Vua hỏi ai là kẻ tận trung, hết lòng lo việc nước*”, “*Ai có thể mặc áo hoàng bào thay, đem hai trăm quân và hai thớt voi đi đánh thành Tây Đô, thấy giặc ra đánh thì tự xưng “ta là chúa Lam Sơn”, để cho quân giặc bắt được, cho ta có thể ẩn náu nghi binh, thu nhặt binh mưu cứu sự về sau?*”. Lê Lai đã khẳng khái nói: “*Tôi tự nguyện đổi áo, ngày sau Bệ hạ nên nghiệp đế, có thiên hạ, nhớ đến công lao của tôi muôn đời được chịu ơn nước, đó là nguyện vọng của tôi vậy*” [9, tr. 50].

Xúc động trước nghĩa cử anh hùng cao đẹp của Lê Lai, Lê Lợi khẩn vái trời đất thề rằng: “*Lê Lai có công đổi áo, sau này trăm cùng con cháu trăm và các tướng tá công thần cùng con cháu họ, nếu không nhớ đến công ấy, thì xin điện cỏ này hóa thành rừng núi; ấn báu hóa ra cục đồng, gương thần hóa ra dao thường*” [9, tr. 51].

Lê Lai cải trang thành “Chúa Lam Sơn”, lĩnh 500 quân và hai chiến voi xông ra tập kích quân Minh. Quân giặc thấy “Chúa Lam Sơn” xung trận liền tập trung lực lượng quyết bắt bằng được “thủ lĩnh” của nghĩa quân. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt. Đội nghĩa quân cảm tử cùng Lê Lai chiến đấu đến phút cuối cùng, Lê Lai rơi vào tay giặc. Giặc Minh bắt được Lê Lai tưởng là Lê Lợi bèn rút quân về và sau đó xử Lê Lai bằng những hình phạt cực kỳ tàn ác... Nhờ việc quân Minh lầm tưởng mà rút toàn bộ lực lượng bao vây Chí Linh và Lam Sơn về Tây Đô nên Lê Lợi và nghĩa quân được giải vây, tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp tục chiến đấu chống quân Minh. Có thể nói, đây không chỉ là một quyết sách táo bạo, mang tính chiến lược trong nghệ thuật quân sự của Lê Lợi mà còn thể hiện được tinh thần tận trung của tướng lĩnh, đặc biệt là tướng lĩnh người Mường với chủ tướng Lê Lợi.

Sau khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Lê Lai được suy tôn là Đệ nhất công hầu. Hoàng đế Lê Lợi đã truy tặng ông *Suy trung đồng đức hiệp mưu Bảo chính, Lũng Nhai công thần*, hàm Thiếu úy, sai văn thần Nguyễn Trãi viết hai đạo “Tiêu ước thệ từ” và “Lai Công thệ từ”, cất trong tủ vàng để đời ghi nhớ công ơn của Lê Lai, lại gia phong cho ông làm Thái úy.

#### 4.2.5. Biểu tượng về người liệt nữ anh hùng và quần chúng nhân dân

Vây quanh Lê Lợi là các nhân vật lịch sử đã được dân gian hóa như Nguyễn Trãi, Lê Lai, Lê Thận, Nguyễn Chích, Nguyễn Xí... và các nhân vật quần chúng như bà bán dầu, bác thợ săn, ông lão bắt tép. Đặc biệt, các nhân vật nữ xuất hiện với tần số đậm đặc trong các câu

chuyện về Lê Lợi. Đó là những người con gái tài ba như nữ tướng Ba Ba (trong truyện nữ tướng Ba Ba), một phụ nữ bị gia đình ruồng bỏ (truyện Hang Ta Lối), hay những vị thần nữ (trong truyện Bạch y thần nữ). Và rất nhiều hình ảnh các bà mẹ đã giúp ông, khi thì đỡ lúc đói lòng bằng một bát rau quỳ, khi thì là bà bán nước bên đường (sau này được phong Quốc Mẫu, có đền thờ), khi là bà bán dầu...

Đồng thời, nhắc đến những người phụ nữ trong các tác phẩm văn học viết về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, không thể không nhắc đến công lao của các bà Hoàng hậu, Hoàng thái hậu, Thần phi, những người giúp đỡ đức vua trong cuộc kháng chiến như Hoàng hậu Phạm Thị Ngọc Trần - vợ cả Lê Thái Tổ, mẹ vua Lê Thái Tông.

Nhân vật người phụ nữ trong văn học về Lam Sơn chính là biểu tượng còn đậm nét của văn hóa Việt - Mường, văn hóa của vùng Đông Nam Á với hình ảnh người phụ nữ vẫn còn được đề cao trong văn hóa Mẫu hệ và trong mối quan hệ gắn kết với nhân vật chính, người anh hùng trong văn học dân gian giai đoạn trước.

Chúng tôi cho rằng quần chúng nhân dân là một hình tượng nhân vật đóng vai trò chính trong phần lớn các chuyện kể về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn. Các nhân vật kiểu này thường xuất hiện ở dạng phiếm chỉ. Đó là bà hàng nước, người thợ săn, em bé gái, người mẹ nghèo, mẹ hàng dầu, lão nông dân. Nhiều người đã chết dưới lưỡi kiếm hay bị thiêu trên những ngọn lửa hung tàn, song tất cả đều bất tử. Họ sống mãi trong các sáng tác dân gian, trong các nghi lễ thờ cúng, những nghi thức, tập tục, thậm chí trong cả những phong tục, tập quán địa phương. Nhiều nhân vật đã hóa thân vào những chứng tích như: ngọn núi Đền (Sự tích núi Đền) (cây Đền Phúc Chí), “cánh đồng Mẫu Hậu”. Có nhân vật lại được hóa thân vào trong hiện tượng tự nhiên như mẹ hàng dầu (Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi, hăm ba giỗ mẹ hàng dầu).

Hình tượng quần chúng nhân dân được xây dựng trong các truyện kể sử dĩ mang đặc tính phiếm chỉ là vì, trong quan niệm của tác giả dân gian, họ là những đại diện tiêu biểu của sức dân, ý chí nhân dân, trí tuệ nhân dân và đặc biệt họ là biểu trưng của tinh thần yêu nước. Mẹ hàng dầu, bà bán nước, bác thợ săn đều là những nhân vật tiêu biểu cho những con người tiêu biểu. Họ không thể có được một cái tên cụ thể vì họ là tất cả quần chúng nhân dân. Những con người như thế đâu đâu cũng có.

Hình ảnh của những nhân vật quần chúng trong truyền thuyết dân gian về Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đã làm cho hình ảnh Lê Lợi trở thành hình ảnh vị tướng, vị vua đầu tiên có mối quan hệ gần gũi, gắn bó với người dân như vậy. Và trong sáng tác văn học cuối thế kỷ XIX, Lê Lợi còn được gắn với hình ảnh người nông dân:

*“Nhà nông Lê Lợi,  
Kẻ sĩ Lam Sơn.  
Thấy dân khôn đốn,  
Động lòng xót thương.  
Quyết chí lớn táo trừ giặc nước  
Dựa thần thiêng, trao tặng lưỡi gươm.  
Hào kiệt ra tay phát cờ cứu nước...”*

(Phú Hồ Giương - Tú Mỡ) [Dẫn theo: 6, tr. 384]

Như vậy, khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa có nhiều nhân vật lịch sử được bồi đắp thêm nhiều chi tiết, đậm sắc màu huyền thoại. Qua các thời kỳ lịch sử, các truyền thuyết này không ngừng được lưu truyền và củng cố, tạo nên tính chất lịch sử đậm đặc cũng như tính cộng đồng địa phương trong diễn xướng truyền thuyết lịch sử ở vùng đất Lam Sơn. Các truyền thuyết này là một cách thể hiện cảm quan về lịch sử của cộng đồng các dân tộc vùng Lam Sơn và nó cũng góp phần đưa đến một cái nhìn sâu vào lịch sử.

#### ***4.3. Lam Sơn - biểu tượng của triều đại nhà Lê Sơ và tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc***

Nhà nước Lê Sơ tồn tại đúng 100 năm (1428 - 1527). Những thành tựu về văn hóa - xã hội mà nhà nước Lê Sơ đạt được trong thời gian này thật đáng kể. Riêng Lam Sơn, quê hương của các vua nhà Lê Sơ được đặc biệt quan tâm. Vùng đất lập nghiệp của họ Lê ở Lam Sơn, bên bờ sông Luông đã trở thành Lam Kinh, Tây Kinh dưới triều Lê Sơ với khu điện miếu và lăng tẩm được xây dựng quy mô lớn. Việc xây dựng khu điện miếu Lam Kinh ở vùng đất phát tích cho thấy, đây không chỉ là miền đất thiêng của nhà Lê Sơ mà còn là nơi được nhân dân ngưỡng vọng bởi những đóng góp to lớn của nhà Lê Sơ đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Vùng đất Lam Sơn trở thành biểu tượng cho triều đại rực rỡ võ công và văn trị của nhà Lê Sơ, trở thành biểu tượng của tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm được phản ánh khá tập trung qua nhiều tác phẩm văn học trong các giai đoạn về sau.

Trong xu hướng đưa Nho giáo lên vị trí độc tôn ở triều đại Lê Sơ, việc Nho giáo hóa vùng đất Lam Sơn - quê hương của dòng họ Lê - là tất yếu. Quá trình Nho hóa ấy không nằm ngoài mục đích khẳng định Lam Sơn là vùng đất địa linh - nhân kiệt. Việc Nho hóa, “linh hóa” Lam Sơn được thể hiện ngay ở những tác phẩm viết về giai đoạn đầu cuộc khởi nghĩa:

*“Rồng thiêng vùng dậy bay Lam Kinh,  
Giáo trời chỉ thẳng ai Bắc thanh.  
Sáng nghiệp nên công khó nhọc,  
Núi sông miền Tây anh linh”*

(*Phú núi Chí Linh* - Nguyễn Trãi) [7, tr. 190]

Lam Sơn chính là vùng đất thiêng, nơi sinh ra vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, nơi sinh ra vương triều nhà Lê Sơ - triều đại tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam:

*“Trời sinh vua thánh,  
Đất dấy nghiệp vương,  
Kiên khôn mờ mịt,  
Vận hội phi thường.”*

(*Phú núi Chí Linh* - Nguyễn Trãi) [7, tr. 194]

Dưới thời Lê Thánh Tông, địa vị nhà nho đã được tôn vinh tới cực điểm. Tầng lớp nho sĩ thông qua con đường khoa bảng, bằng tài năng và đức độ, đều được lưu danh thiên cổ (tên tuổi được chép vào bia đá để thờ và được ghi vào lịch triều đăng khoa lục). Các nho sĩ đỗ đạt cao đều được tổ chức lễ vinh quy bái tổ. Vì vậy, việc thờ cúng tổ tiên, được về quê hương để báo công trạng càng có ý nghĩa trọng đại với các nhà nho.

Có lẽ, Lê Thánh Tông là vị vua có nhiều cảm xúc nhất với Lam Sơn. Qua những vần thơ xướng họa cùng các văn thân, hoặc làm do cảm thức tức thời trước quê cha đất tổ, ông đều thể hiện sự tự hào, ca ngợi truyền thống Lam Sơn và cảnh đất nước thái bình thịnh trị. Với Lê Thánh Tông, đất Lam Sơn thực sự là :

*“Lam Sơn sừng sững,  
Người giỏi đất linh.  
Lương thủy cuộn cuộn,  
Suối sạch dòng thanh”.*

*(Lam Sơn Lương Thủy phú - Lê Thánh Tông) [7, tr. 539]*

Có thể nói, cho đến đời Lê Thánh Tông, Lam Sơn đã có những dấu ấn nho giáo khá đậm nét. Mặc dù sau triều Lê Thánh Tông không lâu, triều đại nhà Lê Sơ ngày càng sa sút, dẫn đến loạn Nam - Bắc triều, rồi những triều đại mới ra đời, nhưng Lam Sơn vẫn là biểu tượng, là thành trì văn hóa vững chắc của vương triều Lê Sơ mà trí thức nho sĩ hướng về. Rõ ràng, Lam Sơn là nơi ghi công của các bậc anh hùng dân tộc, nơi cội nguồn của một vương triều mà nho giáo đã đạt tới địa vị độc tôn. Vậy nên “lòng người” - chủ yếu là “dân ý”, “dân tâm” - vẫn “quyên luyến nhà Lê” dù đang sống trong những trang lịch sử của các triều đại khác sau đó, âu cũng là một tất yếu lịch sử.

Như vậy, lịch sử của vùng đất Lam Sơn với tất cả truyền thống tốt đẹp của nó không phải chỉ vang dội lại với ý nghĩa động viên về mặt tinh thần mà còn vang dội lại với tính chất thực tiễn trong các lĩnh vực chính trị và quân sự, được nhân dân trân trọng, vận dụng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

### **5. Thảo luận**

Các hệ biểu tượng thường phản ánh tư tưởng, thuộc tính văn hóa của cộng đồng xã hội mà nó được sản sinh. Hệ biểu tượng về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cũng phản ánh tư tưởng, những thuộc tính văn hóa của cộng đồng các dân tộc thuộc vùng đất Lam Sơn. Trong văn học về Lam Sơn, hệ biểu tượng về cuộc khởi nghĩa và hệ biểu tượng về các nhân vật lịch sử được các tác giả xây dựng dựa trên sự kiện lịch sử có thật, những nhân vật lịch sử có thật. Đó là những hình tượng lịch sử đã đạt đến mẫu hình văn hóa cho giai đoạn thế kỷ XV. Trong quá trình xây dựng các mẫu hình nhân cách lịch sử - văn hóa này, một mặt, các tác giả văn học viết và văn học dân gian đã trung thực phản ánh cái cốt lõi của lịch sử, đồng thời cũng phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận theo quy chuẩn của mỹ học đương thời, làm cho biểu tượng vốn được xây dựng từ nguyên mẫu hiện thực lịch sử nhưng không đồng nhất với hiện thực lịch sử.

Tiếp cận lịch sử vùng đất Lam Sơn từ nguồn tư liệu văn học và văn hóa dân gian, chúng ta nhận thấy các nhân vật lịch sử đã trở thành những biểu tượng, trở thành các ký hiệu văn hóa. Vùng đất Lam Sơn qua văn học và văn hóa dân gian vừa là biểu tượng của vương triều Lê Sơ - vương triều đã độc tôn nho giáo và đưa nho giáo phát triển đến đỉnh cao, vừa trở thành biểu tượng cho tinh thần yêu nước, tinh thần kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Đa dạng và đa nghĩa là thuộc tính đặc trưng của biểu tượng. Xét lại các nhân cách văn hóa gắn liền với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ cái nhìn đa chiều, đưa đến cho chúng ta sự hiểu

biết sâu sắc hơn, đồng thời đây cũng là cách thức đem lại sự sống mới cho các nhân cách văn hóa của vùng đất này trước dòng chảy lịch sử.

## 6. Kết luận

Lam Sơn là một địa danh lịch sử - văn hóa quan trọng, là căn cứ của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nơi phát tích của vương triều Lê Sơ - một vương triều tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam với rạng rỡ võ công và văn trị. Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc thắng lợi, nơi đây trở thành chủ đề sáng tác văn chương mọi thời đại. Qua các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ, bao gồm cả văn học thành văn và văn học dân gian (folklore), cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và các nhân vật tham gia cuộc khởi nghĩa đã trở thành những biểu tượng nghệ thuật, những mật mã để người sáng tác gửi gắm tư tưởng, thái độ, niềm tin về một cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc, khát vọng về một quốc gia hùng cường với những hệ biểu tượng văn hoá như: anh hùng sáng nghiệp, nhân cách hoàng đế; các biểu tượng về người phò tá minh chủ, đấng quân vương như văn thân, võ tướng, trung thần, liệt nữ... Quá trình xây dựng các mẫu hình nhân cách lịch sử văn hóa này, một mặt các tác giả văn học viết và văn học dân gian đã trung thực phản ánh cái cốt lõi của lịch sử đồng thời cũng phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận theo quy chuẩn của mỹ học đương thời làm cho biểu tượng vốn được xây dựng từ nguyên mẫu hiện thực lịch sử nhưng không đồng nhất với hiện thực lịch sử.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2000), *Tên làng xã Thanh Hóa*, Tập 1, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [2]. Bùi Huy Bích (1957a), *Hoàng Việt thi văn tuyển*, tập 1, Nhóm Lê Quý Đôn dịch, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [3]. Bùi Huy Bích (1971), *Hoàng Việt văn tuyển*, tập 1, Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
- [4]. Trịnh Bá Đĩnh (2017), *Ký hiệu học văn chương - Biểu tượng và văn bản nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5]. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng - Một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [6]. Bùi Văn Nguyên (1980), *Chủ nghĩa yêu nước trong văn học thời kỳ khởi nghĩa Lam Sơn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7]. Bùi Văn Nguyên (Chủ biên) (2000a), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8]. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [9]. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10]. Trần Ngọc Vương (2010), *Thực thể Việt nhìn từ các tọa độ chữ*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [11]. Liungman (2016), (Dịch giả: Phạm Vĩ Cư), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.

## VÙNG ĐẤT LAM SƠN: MỘT HỆ BIỂU TƯỢNG TRONG TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

**Nguyễn Đình Nghĩa<sup>a</sup>**

**Nguyễn Thị Hà<sup>b</sup>**

<sup>a</sup> Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [nguyendinhnghia@dvttdt.edu.vn](mailto:nguyendinhnghia@dvttdt.edu.vn)

<sup>b</sup> Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [nguyenthiha@dvttdt.edu.vn](mailto:nguyenthiha@dvttdt.edu.vn)

Received: 10/4/2024

Reviewed: 11/4/2024

Revised: 15/4/2024

Accepted: 24/5/2024

Released: 31/5/2024

*Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và các tướng sĩ tham gia khởi nghĩa đã trở thành hệ biểu tượng bất diệt của người dân Việt Nam. Sông suối, núi rừng và nghĩa quân Lam Sơn đều thấm đẫm huyền tích về một cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc và được xây dựng thành hệ biểu tượng trong các tác phẩm văn học đến nay cần được các thế hệ chúng ta giải mã. Bài viết nghiên cứu về vùng đất Lam Sơn qua một số tác phẩm văn học viết và văn học dân gian. Từ kết quả nghiên cứu hệ biểu tượng trong các tác phẩm văn học, tác giả mong muốn góp phần làm rõ hơn những đặc trưng văn hóa, lịch sử, con người của vùng đất Lam Sơn huyền thoại.*

**Từ khóa:** Lam Sơn; Hệ thống biểu tượng; Văn học; Nghệ thuật ngôn từ.